

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 1148/2019/HNGĐ-ST

Ngày 01/10/2019.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hương

Ông Huỳnh Tiến Dũng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trí- Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 833/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 446/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1963

Nơi cư trú: 47 đường Cầu Xay, phường Q, Q 9, Thành phố H- có mặt.

Bị đơn: Ông Đặng Thành T, sinh năm 1960

Nơi cư trú: 14/16/12 đường Tâm Tâm Xã, khu phố 4, phường Linh Tây, quận T, Thành phố H- có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn bà C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà với ông T tự nguyện đăng ký kết hôn năm 1999 tại Ủy ban nhân dân phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống thì ông T hay đánh con và bà không thương tiếc, luôn bắt vợ và con phải làm theo ý chồng, nếu không theo ý chồng thì đánh bà, cuộc sống từ 29 năm nay bà và con không còn sức chịu đựng được nữa. Chúng tôi không thể sống chung được, không thể hàn gắn được, không thể đoàn tụ gia đình, hai vợ chồng đã ly thân hơn 03 năm nay, không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc gì nhau nữa. Bà không thể tha thứ cho ông T, cương quyết được ly hôn với ông T.

Về con chung: có 02 con chung tên là Đặng Hoàng Q, sinh năm 1991 và Đặng Hoàng Tr, sinh năm 1999 đã trưởng thành.

Về T sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết

Nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Đặng Thành T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân về kết hôn và quá trình chung sống như bà C trình bày là đúng. Ông biết việc đánh vợ, con, hắt hủi vợ con là sai, nay tôi xin lỗi vợ. Xin bà C cho ông cơ hội cuối cùng để về đoàn tụ, ông cam kết không vi phạm thêm nữa. Vì còn thương vợ, con nên ông không muốn ly hôn mà muốn được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: có 02 con chung tên là Đặng Hoàng Q, sinh năm 1991 và Đặng Hoàng Tr, sinh năm 1999 đã trưởng thành.

Về T sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Căn cứ đơn khởi kiện, các T liệu chứng cứ kèm theo có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Kim C và ông Đặng Thành T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 23/01/1990, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của ông bà Nguyễn Thị Kim C với ông Đặng Thành T, Hội đồng xét xử thấy phía nguyên đơn và bị đơn đều xác định trong quá trình chung sống ông Nguyễn Thành T hay đánh đập, mắng chửi bà Nguyễn Thị Kim C, bà C xác định cuộc sống từ 29 năm nay bà và con không còn sức chịu đựng được nữa, không thể sống chung được, không thể hàn gắn được,

không thể đoàn tụ gia đình, hai vợ chồng đã ly thân hơn 03 năm nay, không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc gì nhau nữa. Phía ông T mặc dù còn thương yêu vợ, nhưng bà C không còn thương yêu, cương quyết ly hôn. Xét thấy tình thương yêu và nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau phải xuất phát từ cả hai bên, tuy nhiên phía ông T và bà C đã ly thân, không còn chăm sóc, giúp đỡ nhau, mà bỏ mặc nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim C và ông Đặng Thành T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim C là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: có 02 con chung tên là Đặng Hoàng Q, sinh năm 1991 và Đặng Hoàng Tr, sinh năm 1999 đã trưởng thành

[3]. Về T sản chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

[4]. Nợ chung: Không có.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng áp phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

[1]. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với ông Đặng Thành T.

[2] Về con chung: có 02 con chung tên là Đặng Hoàng Q, sinh năm 1991 và Đặng Hoàng Tr, sinh năm 1999 đã trưởng thành

[3]. Về T sản chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

[4]. Nợ chung: Không có.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà C nộp theo biên lai thu số 0003483 ngày 30/7/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[6]. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Thắng